

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-PT

Ngày: 25/02/2022

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản, vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hưng

Các Thẩm phán : Ông Cao Minh Lễ

Ông Lê Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường San, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 và ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2021/TLPT-DS ngày 28/6/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, Hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án số 33/2021/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2021/QĐ-PT ngày 14/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐ-PT ngày 24/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phan Thanh T, sinh năm 1978; cư trú: ấp B, xã G, huyện S, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của chị Phan Thanh T: anh Hồ Vương Sơn Hà, sinh năm 1996; cư trú: ấp T1, thị trấn O, huyện S, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 31/3/2020). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Phan Thanh T: Ông Lại Văn G1, Luật sư Công ty luật TNHH MTV T2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Ông Phan Văn M, sinh năm 1958; cư trú: ấp T3, xã G, huyện S, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông Phan Văn M: chị Phan Ngọc T4, sinh năm 1975; cư trú: ấp T3, xã G, huyện S, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 22/11/2021). (có mặt)

2.2 Chị Hồ Thị T5 (G2), sinh năm 1994; cư trú: ấp T3, xã G, huyện S, An Giang. (vắng mặt)

Đại diện hợp pháp của chị T5: anh Nguyễn Lưu Q, sinh năm 1984; cư trú: phường P, thành phố X, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 04/11/2021). (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Phan Thành N, sinh năm 1992; cư trú: ấp T3, xã G, huyện S, tỉnh An Giang. (có mặt)

3.2 Anh Trương Công T6, sinh năm 1977; cư trú: ấp T3, xã G, huyện S, tỉnh An Giang. (có mặt)

3.3 Bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1952; cư trú: ấp T3, xã G, huyện S, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người kháng cáo:

- Ông Phan Văn M, là bị đơn.
- Chị Hồ Thị T5, là bị đơn.
- Anh Phan Thành N, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn, bà Phan Thanh T trình bày:* năm 2014 vợ chồng chị Hồ Thị T5 (G2), anh Phan Thành N cùng ông Phan Văn M, bà Nguyễn Thị Cẩm L có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp do chị làm chủ để mua phân bón, thuốc trừ sâu về canh tác lúa, khi mua hai bên thỏa thuận bên bán giao hàng trước, đến cuối vụ lúa sẽ thanh toán sau, hình thức mua bán không làm hợp đồng khi nào bên mua đến mua hàng thì ghi vào sổ theo dõi, mỗi bên giữ một sổ. Anh N, chị T5 (G2) là người thường xuyên đến cửa hàng của chị để mua vật tư nông nghiệp.

Từ năm 2014 đến năm 2019, sau khi thu hoạch lúa xong, thì vợ chồng chị T5, anh N và vợ chồng ông M, bà L có trả tiền cho chị một phần và nợ lại một phần.

Cũng trong thời gian trên, chị T5, anh N và vợ chồng ông M, bà L có vay tiền của vợ chồng chị nhiều lần với lãi suất 2%/tháng, các lần vay đều có viết biên nhận nợ và mục đích vay để sinh hoạt chung trong gia đình (vì ông M, bà L và chị T5, anh N cùng sống chung nhà). Đến cuối vụ lúa năm 2019 hai bên quyết toán thì vợ chồng chị T5, anh N và vợ chồng ông M, bà L còn nợ lại vợ chồng chị số tiền là 997.000.000, bao gồm: tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu 192.000.000 đồng và tiền vay 805.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày 25 tháng 3 năm 2021 bà Phan Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Hồ Thị T5 (G2), ông Phan Văn M và anh Phan Thành N liên đới trả cho bà số tiền là 997.000.000 đồng (chín trăm chín mươi bảy triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 29/01/2020 đến khi giải quyết xong vụ án.

Tuy nhiên sau khi tạm ngừng phiên tòa ngày 25/3/2021, bà Phan Thanh T có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện; yêu cầu chị T5, ông M, anh N có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu 159.095.000 đồng và tiền vay là 805.000.000 đồng (tám trăm lẻ năm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn chị Hồ Thị T5 (G2) trình bày:* từ 2018 đến 2019 vợ chồng chị có canh tác 31 công đất ở ấp T3, xã G, huyện S, tỉnh An Giang. Vợ chồng anh chị có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp Minh Thư do chị Phan Thanh T làm chủ, để mua phân bón, thuốc trừ sâu; khi mua chị T có cung cấp cho chị sổ mua hàng có mộc đỏ tên khách hàng đứng tên là Phan Thành N. Thời gian mua và số tiền nợ như sau:

1/ Mua ngày 16/4/2018 đến ngày 10/7/2018 số tiền là: 21.596.000 đồng.

2/ Mua ngày 14/4/2019 đến ngày 21/6/2019 số tiền là: 39.127.000 đồng.

Tổng số tiền còn nợ lại 60.723.000 đồng.

Ngày 14/10/2019, vợ chồng chị chuyển nhượng 31 công đất và cho ba chị mượn tiền 350.000.000 đồng để trả cho cửa hàng vật tư nông nghiệp Minh Thư, chị có đến cửa hàng gặp trực tiếp chị Phan Thanh T và có mặt anh T6. Chị T yêu cầu chị ký xác nhận vào một miếng giấy A4 (màu trắng do chủ quan nên tôi không xem nội dung), chị nghĩ ký vào tờ giấy A4 chỉ để xác nhận rằng chị có trả tiền cho chị T chứ hai bên không có làm tờ biên nhận giao tiền. Gửi tiền cho chị T xong chị về liền, sau đó chị chờ ba của chị về tính toán lại với bà T.

Chị thừa nhận vợ chồng chị có vay tiền của bà T, ông T6, chị cũng thừa nhận chữ ký tại tất cả các biên nhận do nguyên đơn cung cấp là của chị cũng như chị thống nhất số tiền vay được nêu trong các biên nhận trên. Chị cũng thừa nhận và thống nhất nội dung biên nhận số tiền 997.000.000 đồng là do chị ký tên. Tuy nhiên vợ chồng chị đã trả toán hết các khoản vay cho bà T và ông T6 xong và chỉ còn nợ tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu của chị T với tổng số tiền là 60.723.000 đồng.

** Bị đơn ông Phan Văn M trình bày:* ông thừa nhận khoảng năm 2014, vợ chồng ông (vợ là bà Nguyễn Thị Cẩm L) có mua phân bón, thuốc trừ sâu của chị T. Hình thức mua bán là ông có giữ cuốn sổ nhỏ ghi tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu, còn bên anh T6, chị T thì có ghi trong sổ cái lớn. Đến cuối vụ lúa thì trả, nếu trả không đủ thì nợ lại và chị T sẽ tính lãi 3%/tháng trên số tiền nợ. Đến năm 2018, vợ chồng ông thuê đất ở xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang để canh tác lúa nhưng do mất mùa nên ông không có khả năng trả nợ và do bận nhiều việc nên đến nay ông chưa tính toán nợ với anh T6, chị T.

Ngoài ra, vào những năm 2014, năm 2016 và năm 2017 vợ chồng ông cũng có vay tiền của anh T6, chị T nhiều lần để sinh hoạt trong gia đình và chi phí cho sản xuất nông nghiệp, mỗi lần vay ít nhất 10.000.000 đồng, nhiều nhất là 100.000.000 đồng; tuy nhiên các lần vay này vợ chồng ông đều trả xong, nhưng do tin tưởng, con cháu làm ăn lâu dài nên ông không yêu cầu anh T6, chị T xé biên nhận nợ.

Ông M xác nhận tất cả các chữ ký “M” trong các biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp là chữ ký của ông; ông cũng thừa nhận vợ chồng ông có vay tiền và hiện còn nợ lại anh T6 và chị T 50.000.000 đồng, nợ tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu 142.174.000 đồng nên không đồng ý với số nợ mà bà T yêu cầu phải trả là 964.095.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Thành N trình bày:* ông M là cha ruột của anh, còn chị T5 (G2) là vợ của anh. Anh thừa nhận vợ chồng anh có mua phân bón, thuốc trừ sâu của chị T và có vay tiền của anh T6, chị T nhưng đã trả xong chỉ còn nợ lại tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu là 142.174.000 đồng.

Nay chị T yêu cầu cha của anh, vợ chồng anh cùng liên đới trả số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu 159.095.000 đồng và tiền vay là 805.000.000 đồng; tổng cộng 964.095.000 đồng, không yêu cầu tính lãi thì anh không đồng ý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Công T6 trình bày:* anh thống nhất với lời trình bày của vợ anh là chị Phan Thanh T. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Hồ Thị T5 (G2), ông Phan Văn M và anh Phan Thành N liên

đổi trả cho vợ anh là Phan Thanh T số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu 159.095.000 đồng và tiền vay là 805.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Anh không tranh chấp với vợ anh về số tiền mà vợ anh yêu cầu ông M, chị T5, anh N trả nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:* bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Phan Văn M.

Tại Bản án số 33/2021/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thanh T.

Buộc ông Phan Văn M, chị Hồ Thị T5 (G2) và anh Phan Thành N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phan Thanh T tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu là 159.095.000 đồng (một trăm năm mươi chín triệu không trăm chín mươi lăm ngàn đồng)

Buộc ông Phan Văn M có trách nhiệm trả cho bà Phan Thanh T số tiền vay là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc chị Hồ Thị T5 (G2) và anh Phan Thành N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phan Thanh T số tiền vay là 655.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thanh T đối với số tiền 32.905.000 đồng (từ yêu cầu trả số tiền 192.000.000 đồng giảm xuống còn số tiền 159.095.000 đồng).

Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Phan Thanh T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, việc thi hành án, chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Cùng ngày 10/5/2021, ông Phan Văn M, anh Phan Thành N và chị Hồ Thị T5 có đơn kháng cáo với nội dung:

Ông Phan Văn M chỉ đồng ý trả 142.174.000 đồng tiền mua vật tư nông nghiệp, không đồng ý trả tiền vay 655.000.000 đồng vì đã trả xong.

Anh Phan Thành N và chị Hồ Thị T5 không đồng ý trả 655.000.000 đồng tiền vay và không đồng ý liên đới với ông Phan Văn M trả 159.095.000 đồng tiền mua vật tư nông nghiệp vì anh chị đã trả xong hai khoản nợ trên cho chị Phan Thanh T.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan không rút yêu cầu kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện hợp pháp của ông Phan Văn M: thừa nhận có vay, mua vật tư nông nghiệp của chị Phan Thanh T nhưng đã xong, nay chị T sử dụng các biên nhận cũ để kiện nên không đồng ý và yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thanh T về việc buộc ông Phan Văn M liên đới với anh Phan Thành N và chị Hồ Thị T5 trả cho chị T 159.095.000 đồng tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông M trả 150.000.000 đồng tiền vay.

Đại diện hợp pháp của chị Hồ Thị T5, anh Nguyễn Lưu Q cho rằng: ban đầu, nguyên đơn khởi kiện phía bị đơn yêu cầu trả tiền mua vật tư nông nghiệp với số tiền 997.000.000 đồng nhưng do sổ sách không rõ ràng nên nguyên đơn lại cho rằng số tiền trên gồm tiền vay và tiền mua vật tư nông nghiệp. Bên cạnh đó, các giấy nhận nợ là do chị Hồ Thị T5 ký khi chưa có nội dung, có sự gạch xóa, sửa ngày, ghi bổ sung thêm tên nên các giấy nhận nợ này là giả mạo. Mặt khác, chị T thừa nhận có nhận số tiền 350.000.000 đồng của chị T5 và tại bút lục số 11 có thể hiện nội dung ngày 29/4/2019 chị T5 trả dư số tiền 7.799.000 đồng nên có thể nói kể từ ngày 29/4/2019 thì chị T5 không còn nợ chị T bất kỳ khoản tiền nào. Từ các lý do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T đối với chị T5.

Luật sư nêu ý kiến: chị T5 cho rằng đối với khoản nợ này, chị T5 cho là đã trả 350.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh; sổ sách theo dõi mua bán thể hiện rõ ràng, các bên đã tính toán các khoản nợ và chị T5 đã ký thừa nhận nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện hợp pháp của chị Phan Thanh T, anh Hồ Vương Sơn Hà: việc mua bán vật tư nông nghiệp giữa các bên đã được thể hiện rõ ràng như các tài liệu mà chị T nộp cho Tòa án, các giấy nhận nợ đều thể hiện rõ số nợ và chị T5, ông M đều thừa nhận các chữ ký trên các giấy nhận nợ là do họ ký, trong giấy nhận nợ còn gồm nhiều dòng ghi nhận nợ bổ sung có chữ ký của chị T5, ông M tại những dòng bổ sung này nên không thể nói chị T5 ký không trên giấy nhận nợ được. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu về vụ án: từ khi thụ lý phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Bà Phan Thanh T yêu cầu chị Hồ Thị T5 (G2), ông Phan Văn M, anh Phan Thành N liên đới trả số tiền còn nợ là 964.095.000 đồng gồm: tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu 159.095.000 đồng; tiền vay: 805.000.000 đồng, rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền 32.905.000 đồng và lãi suất. Đồng thời cung cấp cho Tòa án các sổ ghi chép và biên nhận nợ có chữ ký xác nhận của ông M, chị T5, anh N.

+ Đối với số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu nguyên đơn yêu cầu ông M, chị T5, anh N liên đới trả là 159.095.000 đồng. Nguyên đơn đã cung cấp các sổ mua hàng, mặc dù không có chữ ký nhận của ông M, chị T5, anh N nhưng phía ông M thừa nhận có mua và còn nợ tiền phân bón, thuốc trừ sâu của nguyên đơn là 142.174.000 đồng; anh N, chị T5 thừa nhận có mua và còn nợ tiền phân bón, thuốc trừ sâu của nguyên đơn là 60.723.000 đồng, tổng cộng: 202.897.000 đồng nhưng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay anh N và bà T4 đại diện cho ông M cho rằng đã trả nên không đồng ý trả.

Qua lời trình bày của các đương sự cho thấy giữa ông M, chị T5, anh N với bà T có giao kết hợp đồng mua bán tài sản là phân bón, thuốc trừ sâu đúng theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự 2015. Bị đơn ông M, chị T5 và anh N thừa nhận có mua phân bón, thuốc trừ sâu và còn nợ tiền mua hàng do đó phải có trách nhiệm trả nợ theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự 2015.

Quá trình mua phân bón, thuốc trừ sâu là nhằm phục vụ cho việc canh tác lúa của gia đình, các sổ mua hàng không thể hiện rõ nợ riêng của từng cá nhân nên việc nguyên đơn yêu cầu ông M, chị T5, anh N liên đới trả số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu là có căn cứ. Số tiền nguyên đơn yêu cầu trả ít hơn số tiền các bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận nợ là có lợi cho phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, do đó cấp sơ thẩm buộc ông M, chị T5 và anh N có trách nhiệm liên đới trả số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ 159.095.000 đồng cho bà Phan Thanh T là có căn cứ.

Đối với số tiền nợ phân bón, thuốc trừ sâu 32.905.000 đồng (từ 192.000.000 đồng, giảm xuống còn 159.905.000 đồng) và yêu cầu tính lãi suất nguyên đơn tự nguyên rút nên cấp sơ thẩm đình chỉ là phù hợp.

+ Đối với số tiền vay 805.000.000 đồng. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ gồm: giấy nhận nợ ngày 15/10/2014, ông Phan Văn M mượn 50.000.000 đồng (ông M ký nhận); giấy nhận nợ ngày 07/9/2015, ông Phan Văn M mượn 100.000.000 đồng (ông M ký nhận); giấy nhận nợ ngày 25/8/2015 chị Hồ Thị T5 (G2) mượn 100.000.000 đồng (chị T5 ký nhận); giấy nhận nợ ngày 25/11/2015, chị Hồ Thị T5 (G2) mượn 100.000.000 đồng (T5 không ký nhận); Giấy nhận nợ ngày 27/11/2015, Thiêm Năm M (bà L) mượn 50.000.000 đồng (bà L không ký nhận); giấy nhận nợ ngày 08/12/2015, chị Hồ Thị T5 (G2) mượn 200.000.000 đồng (chị T5 ký nhận); giấy nhận nợ ngày 31/12/2015, chị Hồ Thị T5 (G2) mượn 30.000.000 đồng; giấy nhận nợ ngày 14/01/2016, chị Hồ Thị T5 (G2) mượn 40.000.000 đồng;

giấy nhận nợ ngày 01/02/2016, chị Hồ Thị T5 (G2) mượn 5.000.000 đồng; giấy nhận nợ ngày 06/6/2017, chị Hồ Thị T5 (G2) mượn 130.000.000 đồng.

Nhận thấy: trong tổng số tiền vay 805.000.000 đồng, chỉ có 150.000.000 đồng do ông Phan Văn M ký nhận nợ, ông M cho rằng trả rồi nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc trả nợ cho nguyên đơn, do đó cấp sơ thẩm buộc ông M có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 150.000.000 đồng là có căn cứ.

Còn lại số tiền $805.000.000 \text{ đồng} - 150.000.000 = 655.000.000 \text{ đồng}$ do chị Hồ Thị T5 ký nhận nợ (các biên nhận nợ thể hiện tại các bút lục 215 đến 217 của hồ sơ vay số tiền từ 684.000.000 đồng đến 923.000.000 đồng, cuối cùng là 997.000.000 đồng), chữ ký trong các biên nhận này chị T5 thừa nhận là của chị, ông Nguyễn Lưu Q cho rằng 03 biên nhận ngày 15/8/2016, 06/6/2017, 29/01/2020 có ghi thêm họ tên bà Hồ Thị T5 nên yêu cầu giám định chữ viết bổ sung nhưng ông xác định chữ ký là của bà T5 nên việc ông yêu cầu giám định chữ viết bổ sung cũng không làm thay đổi nội dung các biên nhận nợ và số tiền bị đơn T5 ký nhận nợ trong thời gian dài từ 2016 đến 2020 và không có ý kiến phản bác lại trong suốt thời gian này.

Bên cạnh đó, chị T5 và anh N là vợ chồng cùng canh tác đất và mua bán phế liệu nên anh N phải biết việc chị T5 mượn nợ. Từ các nhận định trên thấy, cấp sơ thẩm buộc chị Hồ Thị T5 và anh Phan Thành N phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 655.000.000 đồng cho nguyên đơn Phan Thanh T là có căn cứ.

Riêng đối với bà Nguyễn Thị Cẩm L, phía nguyên đơn không yêu cầu bà L có trách nhiệm liên đới trả nợ nên cấp sơ thẩm không xem xét buộc bà L có trách nhiệm trả nợ là phù hợp.

Ông Phan Văn M, chị Hồ Thị T5 (G2), anh Phan Thành N kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn M, chị Hồ Thị T5 (G2), anh Phan Thành N; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn; ông Phan Văn M là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị miễn án phí cho ông M, các đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thủ tục: ông Phan Văn M, anh Phan Thành N và chị Hồ Thị T5 kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên kháng cáo của ông M, anh N và chị T5 là hợp lệ và được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của ông Phan Văn M, anh Phan Thành N và chị Hồ Thị T5, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với việc kháng cáo không đồng ý trả khoản nợ vay, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1] Theo bản án sơ thẩm, ông Phan Văn M phải trả cho chị Phan Thanh T số tiền vốn vay 150.000.000 đồng nhưng theo đơn kháng cáo, ông không đồng ý trả khoản tiền nợ vay 655.000.000 đồng và tại phiên tòa hôm nay, đại diện hợp pháp của ông M xác định do nhầm lẫn và xác định ông M kháng cáo không đồng ý trả cho chị Phan Thanh T 150.000.000 đồng do đã trả xong.

Hội đồng xét xử xét thấy: theo giấy nhận nợ ngày 15/10/2014, ông Phan Văn M mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng do chị Phan Thanh T làm chủ và còn nợ 50.000.000 đồng nhưng các bên thừa nhận thực chất là khoản tiền vay; sau đó, ngày 12/11/2014 ông Phan Văn M tiếp tục vay số tiền 100.000.000 đồng; sau 02 lần vay, tổng số tiền ông M vay của chị T là 150.000.000 đồng (cả hai lần vay đều được ông M ký xác nhận và các chữ ký này đều được ông M thừa nhận do ông ký ra).

Ngoài 02 lần vay trên, tại giấy nhận nợ ngày 15/10/2014 còn ghi nhận vào ngày 12/11/2014 và ngày 16/01/2015 ông M còn lần lượt vay 50.000.000 đồng và 20.000.000 đồng nhưng đã bị gạch bỏ và không có chữ ký xác nhận của người vay; tại giấy nhận nợ ngày 25/8/2015 tên Hồ Thị G2 còn ghi nhận: “27/11 Thiêm 5 mượn thêm 50.000.000” nhưng cũng không được người vay ký xác nhận.

Như vậy, qua sự trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ là các giấy nhận nợ do chị T cung cấp, Hội đồng xét xử xác định đủ có sở để kết luận ông Phan Văn M đã vay của chị Phan Thanh T số tiền 150.000.000 đồng và ông M cho rằng đã thanh toán đầy đủ các khoản vay cho chị T nhưng lời trình bày này của ông M không được chị T thừa nhận và ông cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc ông đã hoàn thành xong nghĩa vụ của bên vay tiền; bên cạnh đó, tại phiên đối chất, phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, chính ông thừa nhận còn nợ tiền vay của chị T với số tiền 50.000.000 đồng (được ghi nhận tại bút lục 174, 191 và 261) nên việc Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn sau khi xét trình bày của đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã quyết định buộc ông phải có nghĩa vụ trả nợ tiền vay 150.000.000 đồng cho chị Phan Thanh T là hoàn toàn có cơ sở.

[2.1.2] Đối với kháng cáo của anh Phan Thành N và chị Hồ Thị T5 về khoản tiền vay, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại các giấy nhận nợ ngày 25/8/2015, ngày 15/8/2016, ngày 6/6/2017 và ngày 29/01/2020, chị T5 đều xác định tên Hồ Thị T5, Hồ Thị G2 đều là tên của chị và các chữ ký trên các văn bản trên đều do chị ký ra. Trong đó:

Giấy nhận nợ ngày 25/8/2015 ghi nhận: ngày 25/8/2015 chị vay 100.000.000 đồng; ngày 25/11/2015 vay 100.000.000 đồng (không ký xác nhận); ngày 08/12/2015 vay 200.000.000 đồng và ngày 27/11 ghi nhận: “Thiếu 5 mượn thêm 50.000.000 đồng” (không ký xác nhận). Như vậy, trong giấy nhận nợ này, chị T5 đã xác nhận vay 300.000.000 đồng, không ký xác nhận khoản vay ngày 25/11/2015 với số tiền 100.000.000 đồng và “Thiếu 5” không ký xác nhận có vay 50.000.000 đồng.

Giấy nhận nợ ngày 15/8/2016 tên Phan Văn M, Hồ Thị T5 do chị T5 ký nhận nợ 684.000.000 đồng. Giấy nhận nợ này được diễn giải là tổng khoản nợ của giấy nhận nợ ngày 15/10/2014 (150.000.000 đồng) với khoản nợ của giấy nhận nợ ngày 25/8/2015 (450.000.000 đồng) cộng với các khoản nợ: nợ tồn vụ Đông Xuân 2015 là 9.000.000 đồng và nợ hợp đồng vụ Đông Xuân 2015 do chị T5 vay là 75.000.000 đồng (ngày 31/12/2015 vay 30.000.000 đồng, ngày 14/01/2016 vay 40.000.000 đồng và ngày 01/02/2016 vay 5.000.000 đồng).

Giấy nhận nợ ngày 06/6/2017 tên Phan Văn M, Hồ Thị T5 do chị T5 ký xác nhận nợ 923.000.000 đồng là tổng của khoản nợ theo giấy nhận nợ ngày 15/8/2016 (684.000.000 đồng) với khoản nợ chị T5 vay ngày 06/6/2017 là 130.000.000 đồng và các khoản nợ do mua vật tư nông nghiệp là 114.673.000 đồng (nợ vụ Hè Thu 2016 là 30.066.000 đồng, nợ vụ Thu Đông 2016 là 32.905.000 đồng và nợ vụ Đông Xuân 2017 là 51.702.000 đồng).

Giấy nhận nợ ngày 29/01/2020 tên Phan Văn M, Hồ Thị T5 do chị T5 ký xác nhận nợ 997.000.000 đồng là tổng của khoản nợ theo giấy nhận nợ ngày 06/6/2017 (923.000.000 đồng) với khoản nợ tiền mua vật tư nông nghiệp vụ Hè Thu 2017 là 147.098.000 đồng và do chị T5 trả một phần nên số nợ còn lại là 997.000.000 đồng.

Như vậy, theo các giấy nhận nợ vừa được nêu, mặc dù có những khoản nợ vay cụ thể của từng lần vay không được chị T5 ký xác nhận và thậm chí xác nhận nợ thay thím 5 (các đương sự thừa nhận là bà Nguyễn Thị Cẩm L) nhưng do chị T5 đã ký xác nhận ở những giấy nhận nợ được lập sau, trùng khớp với trình bày của phía nguyên đơn nên có căn cứ để xác định chị Hồ Thị T5 đã vay của chị Phan Thanh T số tiền 605.000.000 đồng (không tính khoản nợ 50.000.000 đồng mà chị T5 xác nhận thay bà L).

Anh N và chị T5 kháng cáo cho rằng đã trả xong tiền vay nợ cho nguyên đơn nhưng trình bày này của anh chị không được phía nguyên đơn thừa nhận và anh chị cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận việc anh chị cho rằng đã trả xong khoản tiền vay cho nguyên đơn. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn thừa nhận có cho bà L vay và giao trực tiếp số tiền cho bà L vào ngày 27/11 khi không có mặt chị T5, điều đó chứng tỏ chị T5 không vay khoản tiền này nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn buộc vợ chồng anh N – chị T5 phải chịu trách nhiệm về khoản vay này là chưa chính xác.

[2.2] Về kháng cáo đối với tiền nợ do mua vật tư nông nghiệp của ông Phan Văn M, anh Phan Thành N và chị Hồ Thị T5, Hội đồng xét xử nhận thấy: để chứng minh cho các yêu cầu của mình, chị T đã cung cấp sổ theo dõi mua hàng gồm các sổ: 04, 138, 111, 118 và 120; tuy việc ghi chép theo dõi việc mua bán là do phía nguyên đơn tự ghi và không có xác nhận của ông M, anh N và chị T5 nhưng diễn biến tại phiên tòa đã cho thấy sau khi kết thúc mùa vụ, các bên đã gặp và xác nhận số tiền mua vật tư nông nghiệp chưa trả, kết quả là chị Hồ Thị T5 đã ký xác nhận nợ tại các giấy nhận nợ ngày 15/8/2016, ngày 06/6/2017 và ngày 29/01/2020.

Tại phiên tòa, anh Phan Thành N xác nhận vợ chồng anh chị cùng chung sống, làm nông cùng gia đình và chỉ làm riêng từ năm 2018 và có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của chị T để mua vật tư nông nghiệp. Thừa nhận này phù hợp với ghi chép theo dõi việc mua bán của chị T nên vợ chồng anh N – chị T5 và ông M phải cùng có trách nhiệm đối với số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ của chị T.

Bên cạnh đó, tại biên bản đối chất ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, biên bản hòa giải ngày 24/12/2020 và ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông M thừa nhận còn nợ chị T 142.174.000 đồng tiền mua vật tư nông nghiệp, vợ chồng anh N – chị T5 thừa nhận còn nợ 60.723.000 đồng, tổng số tiền nợ vật tư nông nghiệp là 202.897.000 đồng nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Từ những phân tích, đánh giá tại phần [1] và phần [2] đã cho thấy lý lẽ của người đại diện hợp pháp của chị Hồ Thị T5 cho rằng các giấy nhận nợ có việc ghi bổ sung từ “con” ở phần cuối giấy nhận nợ, ghi bổ sung phần chữ đối với tiền nợ, bổ sung tên “Hồ Thị T5, Hồ Thị G2” ở phần đầu giấy nhận nợ, sửa chữa ngày nhận nợ nên giấy nhận nợ là giả mạo, không có giá trị chứng cứ là không đúng vì tuy các giấy nhận nợ dù có sửa ngày nhưng vẫn thể hiện rõ ngày chị T5 ký xác nhận nợ và việc ghi bổ sung nếu có cũng không làm thay đổi bản chất sự việc nhận nợ của chị T5.

Đối với ý kiến cho rằng chị T5 ký trên văn bản bỏ trống để sau đó nguyên đơn điền vào là suy đoán không có căn cứ vì ngoài việc ký nhận nợ vào ngày lập giấy nhận nợ thì những ngày sau đó, giấy nhận nợ còn được chị T5 ký bổ sung nên chị T5 hoàn toàn có thể biết nhưng kể từ khi lập giấy nhận nợ cho đến khi xảy ra tranh chấp là khoảng thời gian rất dài, chị T5 không có ý kiến phản đối.

Hơn nữa, tại giai đoạn sơ thẩm, chị T5 đã thừa nhận còn nợ tiền mua vật tư nông nghiệp của chị T và kể từ khi xảy ra tranh chấp, gia đình chị không trả bất cứ khoản tiền nào cho chị T nhưng nay lại cho rằng đã trả đủ nên yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở.

Đối với việc cho rằng nguyên đơn có nhận 350.000.000 đồng do chị T5 trả và tại sổ ghi chép ngày 29/4/2019 chị T5 trả dư 7.799.000 đồng nên kể từ ngày 29/4/2019, chị T5 không còn nợ gì của chị T là không thể chấp nhận bởi nguyên đơn là chị T không có nghĩa vụ chứng minh số tiền chị T5 trả là trả cho khoản nợ khác mà ngược lại chị T5 phải có nghĩa vụ chứng minh phía gia đình chị đã trả cho chị T số tiền mà chị T khởi kiện yêu cầu nhưng chị T5 không chứng minh được, đồng thời giấy nhận nợ ngày 29/01/2020 đã cho thấy từ ngày 29/4/2019 cho đến nay, chị T5 vẫn chưa trả được khoản nợ cho chị T.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Phan Thành N, chị Hồ Thị T5.

[3] Do Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của đương sự nên các đương sự không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Phan Văn M có đơn xin miễn án phí và xét ông Phan Văn M là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử quyết định ông Phan Văn M được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự.

Chị Phan Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét đến và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Phan Thành N, chị Hồ Thị T5 (G2).

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thanh T.

- Buộc ông Phan Văn M, chị Hồ Thị T5 (G2) và anh Phan Thành N có trách nhiệm liên đới trả cho chị Phan Thanh T tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu là 159.095.000 đồng (một trăm năm mươi chín triệu không trăm chín mươi lăm ngàn đồng)

- Buộc ông Phan Văn M có trách nhiệm trả cho bà Phan Thanh T số tiền vay là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

- Buộc chị Hồ Thị T5 (G2) và anh Phan Thành N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phan Thanh T số tiền vay là 605.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thanh T về việc buộc ông Phan Văn M, anh Phan Thành N và chị Hồ Thị T5 (G2) phải liên đới trả cho chị số tiền 50.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thanh T đối với số tiền 32.905.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Phan Thanh T.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự cho ông Phan Văn M.

- Buộc chị Hồ Thị T5 (G2) và anh Phan Thành N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền nợ mua phân bón, thuốc trừ sâu là 2.651.000 đồng.

- Buộc chị Hồ Thị T5 (G2) và anh Phan Thành N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền vay là 28.200.000 đồng.

- Chị Phan Thanh T phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp và sau khi khấu trừ, chị Phan Thanh T

được nhận lại số tiền là 18.455.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000922 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hưng